TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 04-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 71/2018/TLST-KDTM ngày 25/12/2018 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 25/02/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH AICA Đ; địa chỉ trụ sở chính: KCN G, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng 4.11 lầu 4, Tòa nhà E, số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thanh N; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bính K, sinh năm 1976; địa chỉ: P4.11 lầu 4 tòa nhà E, số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đ; địa chỉ: Số 269, Tổ 4, khu phố C, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành N; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh U sinh năm 1985; chức vụ: Kế toán Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/12/2018, bản tự khai ngày 17/01/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Bính K thống nhất trình bày:

Ngày 01/01/2016, Công ty TNHH AICA Đ (gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đ (gọi tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số CT029/DUCNHAN/20162017. Thực hiện theo hợp đồng đã ký, Công ty A đã cung cấp các sản phẩm keo dán công nghiệp cho Công ty Đức N theo từng đơn hàng. Từ ngày 27/01/2016 đến ngày 24/10/2016 Công ty A đã giao cho Công ty Đức N số lượng hàng hóa như sau:

+ Ngày 27/01/2016 giao 2.400 kg keo PREFERE 6102-1200KG/TOTE, đơn giá 27.500/kg và giao 500kg xúc tác PREFERE 6601-250KG/DRUM, đơn giá 66.000 đồng thành tiền là 108.900.000 đồng. Công ty Đức N đã thanh toán được 38.883.500 đồng còn nợ lại 70.016.500 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0003609 ngày 27/01/2016;

+ Ngày 12/4/2016 giao 1.200kg keo PREFERE 6102-1200KG/TOTE, đơn giá 27.500/kg thành tiền là 36.300.000 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0005189, ngày 12/4/2016.

+ Ngày 13/4/2016 giao 1.200kg keo PREFERE 6102-1200KG/TOTE, đơn giá 27.500/kg thành tiền là 36.300.000 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0005210, ngày 13/4/2016.

+ Ngày 31/5/2016 giao 2.400 kg keo PREFERE 6102-1200KG/TOTE, đơn giá 27.500/kg và giao 500kg xúc tác PREFERE 6601-250KG/DRUM, đơn giá 66.000 đồng thành tiền là 108.900.000 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0006382, ngày 31/5/2016.

+ Ngày 21/10/2016 giao 1.200kg keo PREFERE 6102-1200KG/TOTE, đơn giá 27.500/kg thành tiền là 36.300.000 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0009556, ngày 21/10/2016.

+ Ngày 24/10/2016 giao 1.200kg keo PREFERE 6102-1200KG/TOTE, đơn giá 27.500/kg thành tiền là 36.300.000 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0009604, ngày 24/10/2016.

Tổng số tiền hàng nêu trên là 324.033.297 đồng đã bao gồm 10% VAT. Hai bên thỏa thuận Công ty Đức N phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty A trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng và bên bán xuất hóa đơn VAT. Trong trường hợp bên mua thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên thì còn phải chịu lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày.

Theo bảng đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/5/2018, Công ty Đức Nhân xác nhận còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc là 324.033.297 đồng và số nợ quá hạn là 281.495.002 đồng.

Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đức N thanh toán nhưng Công ty Đức N vẫn không thanh toán số công nợ quá hạn nêu trên. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N phải thanh toán cho Công ty TNHH AICA Đ tổng số tiền 605.611.502 đồng, trong đó tiền nợ gốc 324.033.297 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 11/10/2018 là 281.495.002 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau: Phía Công ty Đức N không có thiện chí trả nợ, đã hứa nhiều lần nhưng không thực hiện. Vì vậy, việc tại phiên người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đức N đưa ra phương án xin trả số nợ gốc mỗi tháng 30.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi vì Công ty Đức N đang gặp khó khăn thì đại diện nguyên đơn không đồng ý.

Theo hợp đồng các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho Công ty Đức N trả nợ thì phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm theo số tiền trên từng hóa đơn bán hàng và thời hạn mà phía bị đơn đã vi phạm cụ thể:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003609, ngày 27/01/2016, số tiền nợ là 70.016.500 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 37 tháng x 70.016.500 đồng x 1,66%/tháng = 43.004.134 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005189, ngày 12/4/2016 số tiền nợ 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 34 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 20.487.720 đồng

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005210, ngày 13/4/2016, số tiền là 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 34 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 20.487.720 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006382, ngày 31/5/2016, số tiền nợ là 108.900.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 33 tháng x 108.900.000 đồng x 1,66%/tháng = 59.655.420 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009556, ngày 21/10/2016, số tiền nợ là 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 28 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 16.872.240 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009604, ngày 24/10/2016, số tiền nợ là 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 28 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 16.872.240 đồng.

Tổng số tiền lãi tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 177.379.474 đồng. Vì vậy, yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền 50.412.753 đồng. Nguyên đơn xin

rút yêu cầu đối với số tiền 104.198.749 đồng đã tính theo mức lãi suất ghi trong đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2019 và tại phiên tòa, bà Trần Thị Thanh Uyên là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết, thực hiện hợp đồng giữa hai công ty. Hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 324.033.297 đồng. Vì Công ty Đức N đang gặp nhiều khó khăn nên xin trả số tiền gốc mỗi tháng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho đến khi hết số tiền gốc nêu trên. Để tạo điều kiện cho việc trả nợ Công ty Đức N xin không thanh toán đối với phần lãi phát sinh. Nếu Công ty A không đồng ý cho tiền lãi thì đề nghị Tòa án tính mức lãi hợp lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Về nội dung: Bị đơn đã thừa nhận số tiền gốc còn nợ nguyên đơn là 324.033.297 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Đối với số tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị tính lãi suất 20%/năm, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 177.379.474 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa là 501.412.753 đồng là phù hợp với các quy định tại Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại và Điều 468 Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền lãi 104.198.749 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng chưa thanh toán; bị đơn có trụ sở chính tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Về nội dung:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 281.495.002 đồng. Tuy nhiên, tại phiên toà nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền 104.198.749 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ Điểm c Khoản 1

Điều 217 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã nêu của nguyên đơn.

[2]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền 501.412.753 đồng, trong đó có 324.116.500 đồng số tiền gốc và 177.379.474 đồng tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất trình bày: Giữa Công ty TNHH AICA Đ (gọi tắt là Công ty AICA) và Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N (gọi tắt là Công ty Đức N) có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số CT029/DUCNHAN/20162017 ngày 01/01/2016. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 27/01/2016 đến ngày 24/10/2016 Công ty A đã giao nhiều lần hàng cho Công ty Đức N. Sau khi nhận hàng thì Công ty Đức N đã thanh toán được một phần tiền cho Công ty A và hiện còn nợ số tiền hàng là 324.116.500 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 324.116.500 đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền gốc theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Đức Nhân phải trả số tiền 324.116.500 đồng.

[2.2]. Về số tiền lãi: Theo hợp đồng các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện hợp pháp nguyên đơn đã tự nguyện yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm theo số tiền trên từng hóa đơn bán hàng và thời hạn mà phía bị đơn đã vi phạm cụ thể:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003609, ngày 27/01/2016, số tiền nợ là 70.016.500 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 37 tháng x 70.016.500 đồng x 1,66%/tháng = 43.004.134 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005189, ngày 12/4/2016 số tiền nợ 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 34 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 20.487.720 đồng

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005210, ngày 13/4/2016, số tiền là 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 34 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 20.487.720 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006382, ngày 31/5/2016, số tiền nợ là 108.900.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 33 tháng x 108.900.000 đồng x 1,66%/tháng = 59.655.420 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009556, ngày 21/10/2016, số tiền nợ là 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 28 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 16.872.240 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009604, ngày 24/10/2016, số tiền nợ là 36.300.000 đồng. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 28 tháng x 36.300.000 đồng x 1,66%/tháng = 16.872.240 đồng.

Tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 177.379.474 đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 177.379.474 đồng.

[3]. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ sự phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 501.412.753 đồng (*Năm trăm lẻ một triệu bốn trăm mười hai nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

[4]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm về việc tranh chấp số tiền 104.198.749 đồng giữa nguyên đơn Công ty TNHH AICA Đ đối với bị đơn Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH AICA Đ đối với bị đơn Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

3. Buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N phải thanh toán cho Công ty TNHH AICA Đ tổng số tiền 501.412.753 đồng (*Năm trăm lẻ một triệu bốn trăm mười hai nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH AICA Đcó đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

4. Về án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH AICA Đ không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty TNHH AICA Đi số tiền 14.112.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014626 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Công ty TNHH sản xuất Thương mại - Dịch vụ Đức N phải nộp số tiền 24.510.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm mười nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền